TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Dân.
2. Bà Lê Thị Thùy Na.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị H, sinh năm 1979; nghề nghiệp: Đánh cá; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn Th, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L đã mất tích theo Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị La Thị H trình bày:

Chị La Thị H và anh Nguyễn Văn L sau vài tháng tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/7/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H về chung sống tại nhà cha mẹ của anh L, ở Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chị H sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh L do ham chơi bài bạc, bị đòi nợ rồi bỏ đi, chị H đã đi tìm kiếm, hỏi thăm thông tin khắp nơi nhưng cũng không có

tin tức gì của anh L. Đến năm 2002, chị H quay trở về nhà cha mẹ của chị H, ở tổ dân phố T, thị trấn Th, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và sinh sống từ đó cho đến nay Vào năm 2017, chị H đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L mất tích và ngày 04/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã tuyên bố anh L mất tích theo Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST. Nay anh L đã mất tích khoảng 16 năm nay, chị H cũng không còn tình cảm gì với anh L và muốn ổn định cuộc sống, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Hg, sinh ngày 01/8/2000. Quá trình nộp đơn khởi kiện và giải quyết vụ án, anh Hg chưa trưởng thành (chưa đủ 18 tuổi) thì chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng anh Hg đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Đến ngày mở phiên tòa hôm nay, anh Hg đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên chị H không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày quá trình vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản gì chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Vang tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐDS-ST ngày 04/5/2018 và đã có hiệu lực pháp luật, từ đó đến nay cũng không có tin tức, địa chỉ của anh L.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng như sau: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, các Điều từ Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho chị La Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị La Thị H và anh Nguyễn Văn L có 1 con chung tên là Nguyễn Hải Hg, sinh ngày 01/8/2000, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu Hg đến lúc trưởng thành. Tuy nhiên đến nay cháu Hg đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản gì chung, không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về án phí: Buộc chị La Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị La Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú cuối cùng là Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị La Thị H có mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã mất tích nên căn cứ vào các Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị La Thị H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/7/1999. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh L tự bỏ nhà đi do nợ nần cờ bạc, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã tuyên bố anh Nguyễn Văn L mất tích, tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể quay trở lại nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Hg, sinh ngày 01/8/2000. Thời điểm giải quyết vụ án, trước ngày 01/8/2018, anh Hg chưa trưởng thành (chưa đủ 18 tuổi), yêu cầu của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng anh Hg đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa hôm nay, anh Hg đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và thể chất nên chị La Thị H không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết. Do chị H không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị La Thị H trình bày vợ chồng trong quá trình chung sống với nhau không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị La Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị H.

- Về hôn nhân: Chị La Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị La Thị H và anh Nguyễn Văn L có 1 con chung tên là Nguyễn Hải Hg, sinh ngày 01/8/2000. Hiện nay cháu Hg đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị La Thị H trình bày vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản gì chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị La Thị H phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2013/003904 ngày 25/6/2018 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị La Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hương Lan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Vang;
- UBND xã P, huyện Phú Vang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án